

GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg

GMP-WHO

Hỗn dịch uống
Hộp 10 gói x 10 ml
Lắc kỹ trước khi dùng

GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg

GMP-WHO



Thành phần:
Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:
Natri alginat.....500 mg
Natri bicarbonat.....213 mg
Calci carbonat.....325 mg
Tã được.....vừa đủ

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG.

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

GMP-WHO

GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg
Hỗn dịch uống

Chỉ định:
Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.

LSX:

HD:

ABIPHA - CNC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA

GAVORET

GMP-WHO

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg

GAVORET

GMP-WHO

Sodium alginate 500 mg
Sodium bicarbonate 213 mg
Calcium carbonate 325 mg
Oral suspension
Box of 10 sachets x 10 ml
Shake well before use

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:

ABIPHA - CNC
TAM LƯU THUỐC SỨC KHỎE CÔNG NGHỆ CAO

Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg

GMP-WHO
Hỗn dịch uống
Hộp 20 gói x 10 ml
Lắc kỹ trước khi dùng

GMP-WHO GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg



Thành phần:
Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa:
Natri alginat.....500 mg
Natri bicarbonat.....213 mg
Calci carbonat.....325 mg
Tá dược.....vừa đủ

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG.

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.
Tiêu chuẩn: TCCS.

GMP-WHO

GMP-WHO GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg
Hỗn dịch uống

Chỉ định:
Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.

LSX:
HD:



GMP-WHO GAVORET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calci carbonat 325 mg

GMP-WHO GAVORET

Sodium alginate 500 mg
Sodium bicarbonate 213 mg
Calcium carbonate 325 mg
Oral suspension
Box of 20 sachets x 10 ml
Shake well before use

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:
Mfg. Date/NSX:
Exp. Date/HD:



Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



GMP-WHO

GAVARET

Natri alginat 500 mg
Natri bicarbonat 213 mg
Calcii carbonat 325 mg

GMP-WHO

CAVORET

hạt bao nhân 500 mg
hạt bao nhân 213 mg
hạt bao nhân 132 mg
hạt nhân 50 mg

Chỉ định:
Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, ợ hơi và ợ chua liên quan đến sự trào ngược của dạ dày, như buồn nôn, hoặc trong khi mang thai hoặc các triệu chứng của loét dạ dày.

Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.

LX:
HD:

ADIANA - CMC

CYTOPHARMA CÔNG NGHỆ CAO ANH PHƯƠNG

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:

 **ABIPHA** - CNC

TAM LƯU TRƯỚC SỨC KHỎE CÔNG ĐỒNG

Manufactured by / Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

			
GMP-WHO GAVORET Sodium alginate 500mg/10ml Sodium bicarbonate 213mg/10ml Calcium carbonate 325mg/10ml Oral suspension Box of 1 bottle x 150 ml Shake well before use	Thành phần: Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Natri alginat.....500 mg Natri bicarbonat.....213 mg Calci carbonat.....325 mg Tá được.....vừa đủ Chỉ định: Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid. Cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.	GMP-WHO GAVORET Natri alginat 500mg/10ml Natri bicarbonat 213mg/10ml Calci carbonat 325mg/10ml Hỗn dịch uống Hộp 1 lọ x 150 ml Lắc kỹ trước khi dùng	Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS. ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. Reg. No./SDK: Batch No./LSX: Mfg. Date/NSX: Exp. Date/HD:  Manufactured by/ Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Thành phần: Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Natri alginat.....500 mg Natri bicarbonat.....213 mg Calci carbonat.....325 mg Tá được.....vừa đủ Chỉ định: Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.	GMP-WHO GAVORET Hỗn dịch uống Lọ 150 ml Lắc kỹ trước khi dùng	Cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS. LSX: HD:  C.TY CP DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
---	--	--

GMP-WHO GAVORET Sodium alginate 500mg/10ml Sodium bicarbonate 213mg/10ml Calcium carbonate 325mg/10ml Oral suspension Box of 1 bottle x 180 ml Shake well before use	Thành phần: Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Natri alginat.....500 mg Natri bicarbonat.....213 mg Calci carbonat.....325 mg Tá dược.....vừa đủ Chỉ định: Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid. Cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.	GMP-WHO GAVORET Natri alginat 500mg/10ml Natri bicarbonat 213mg/10ml Calci carbonat 325mg/10ml Hỗn dịch uống Hộp 1 lọ x 180 ml Lắc kỹ trước khi dùng	Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS. ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. Reg. No./SDK: Batch No./LSX: Mfg. Date/NSX: Exp. Date/HD: ABIPHA - CNC Manufactured by/ Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
---	---	---	--

Thành phần: Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Natri alginat.....500 mg Natri bicarbonat.....213 mg Calci carbonat.....325 mg Tá dược.....vừa đủ Chỉ định: Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.	GMP-WHO GAVORET Hỗn dịch uống Lọ 180 ml Lắc kỹ trước khi dùng	Cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS. LSX: HD: ABIPHA - CNC C.TY CP DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
---	---	---

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

GAVORET

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng - Để xa tầm tay trẻ em
"Lắc kỹ trước khi dùng"



THÀNH PHẦN CÔNG THỨC: Mỗi 10ml hỗn dịch chứa:

Thành phần dược chất:

Natri alginat	500 mg
Natri bicarbonat	213 mg
Calci carbonat	325 mg

Thành phần tá dược:

Natri carboxymethyl cellulose, Avicel RC-591, gôm xanthan, sucrose, natri hydroxid, natri saccharin, menthol, natri methylparaben, natri propylparaben, ethanol 96%, nước tinh khiết.

DẠNG BÀO CHẾ: Hỗn dịch uống.

Mô tả: Hỗn dịch uống màu trắng nhạt đến màu kem, mùi bạc hà.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc các triệu chứng dư acid dạ dày. Thuốc có thể được sử dụng để điều trị đồng thời hoặc sau khi ngừng liệu pháp ức chế acid.

CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG:

Dùng đường uống.

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên: Mỗi lần 10 - 20ml (1 - 2 gói) sau bữa ăn và khi đi ngủ, có thể dùng đến 4 lần/ngày.

Trẻ dưới 12 tuổi: Chỉ dùng theo lời khuyên của bác sĩ.

Người cao tuổi: Không cần điều chỉnh liều đối với nhóm tuổi này.

Bệnh nhân suy gan: Không cần điều chỉnh liều.

Bệnh nhân suy thận: Thận trọng nếu cần ăn kiêng muối nghiêm ngặt.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với hoạt chất hay với bất cứ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Mỗi liều 20ml (2 gói) chứa 255,76 mg (11,12mmol) natri, tương đương với 12,79% nhu cầu natri tối đa hàng ngày theo khuyến cáo của WHO.
- Liều tối đa hàng ngày tương đương với 51,15% nhu cầu natri tối đa hàng ngày theo khuyến cáo của WHO.
- Thuốc có hàm lượng natri cao. Đặc biệt thận trọng khi dùng thuốc cho người cần chế độ ăn ít muối (như trong một số trường hợp suy tim sung huyết và suy thận).
- Mỗi liều 20ml (2 gói) chứa 260mg (6,5mmol) calci. Thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân tăng calci huyết, nhiễm calci thận và sỏi calci thận tái phát.
- Thông thường không khuyến dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi, trừ khi có lời khuyên của bác sĩ.
- Nếu các triệu chứng vẫn còn hoặc cần điều trị liên tục quá 7 ngày, nên tìm lời khuyên của bác sĩ.
- Cũng như các thuốc kháng acid khác, thuốc có thể che dấu triệu chứng của bệnh khác

nghiêm trọng hơn.

- Thuốc có chứa methylparaben (E218) và propylparaben (E216), có thể gây các phản ứng dị ứng (có thể là phản ứng dị ứng chậm).

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai:

Các nghiên cứu mở có kiểm chứng trên 281 phụ nữ mang thai không cho thấy bất kỳ tác dụng bất lợi đáng kể nào của thuốc lên quá trình mang thai hay lên sức khỏe của thai nhi/trẻ sơ sinh. Dựa trên kinh nghiệm này và trước đó, thuốc có thể dùng trong thời kỳ mang thai nếu cần.

Phụ nữ cho con bú:

Không thấy ảnh hưởng của thuốc đối với trẻ bú mẹ. Thuốc có thể dùng trong thời kỳ cho con bú nếu cần.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC: Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Do sự hiện diện của calci và carbonat hoạt động như một thuốc kháng acid, nên cân nhắc uống thuốc cách xa các thuốc khác khoảng 2 giờ, đặc biệt là các thuốc kháng histamin H₂, tetracyclin, digoxin, fluoroquinolon, muối sắt, hormon tuyến giáp, ketoconazol, thuốc an thần, thyroxin, penicilamin, thuốc chẹn beta (atenolol, metoprolol, propranolol), glucocorticoid, cloroquin, diphosphonat và estramustin.

Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Tác dụng không mong muốn liên quan đến natri alginat, natri bicarbonat và calci carbonat được sắp thành bảng dưới đây theo phân loại hệ thống cơ quan và tần suất gặp. Tần suất được quy ước như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$); Thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$); Ít gặp ($\geq 1/1000$ đến $< 1/100$); Hiếm gặp ($\geq 1/10000$ đến $< 1/1000$); Rất hiếm gặp ($< 1/10000$); Không rõ (không thể ước tính được từ dữ liệu sẵn có). Trong mỗi nhóm tần suất, tác dụng không mong muốn được sắp theo mức độ nghiêm trọng giảm dần.

Phân loại hệ thống cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Rối loạn hệ miễn dịch	Rất hiếm gặp	Phản ứng phản vệ, sốc phản vệ. Phản ứng quá mẫn như mày đay.
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Không rõ	Nhiễm kiềm, tiết acid hồi ứng, tăng calci huyết, hội chứng sữa-kiềm.
Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất	Rất hiếm gặp	Ảnh hưởng lên hô hấp như co thắt phế quản.
Rối loạn tiêu hóa	Không rõ	Táo bón.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Các triệu chứng có thể nhẹ trong trường hợp quá liều cấp tính, một vài trường hợp nặng

chướng bụng có thể được ghi nhận. Hội chứng sữa-kiềm xảy ra ở người dùng liều lớn calci carbonat trong thời gian dài.

Trường hợp dùng thuốc quá liều, cần điều trị triệu chứng.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Các thuốc khác điều trị loét đường tiêu hóa và bệnh trào ngược dạ dày-thực quản.

Mã ATC: A02BX

Thuốc là sự kết hợp hai antacid (calci carbonat và natri bicarbonat) và một alginat.

Sau khi uống, thuốc phản ứng nhanh với acid dạ dày tạo thành một lớp gel acid alginic có pH gần trung tính. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, lớp gel tương tác và bịt túi acid trong dạ dày, làm giảm tiếp xúc với acid của thực quản. Lớp gel lơ lửng phía trên các chất trong dạ dày làm cản trở một cách hiệu quả sự trào ngược dạ dày-thực quản lên đến 4 giờ và bảo vệ thực quản khỏi acid, pepsin và mật. Trong các trường hợp nặng, lớp gel có thể tự trào ngược vào thực quản hơn là các chất trong dạ dày và tạo tác dụng làm dịu.

Ngoài ra, bằng chứng *in vitro* cho thấy lớp gel có tác dụng thứ phát và có thể cuốn lấy mật và pepsin vào trong cấu trúc của nó, bảo vệ thực quản khỏi các thành phần này của dạ dày.

Calci carbonat trung hòa acid dạ dày, làm giảm nhanh chứng khó tiêu và ợ nóng. Tác dụng này tăng lên khi thêm natri bicarbonat cũng có tác dụng trung hòa. Tổng khả năng trung hòa của thuốc ở liều thấp nhất xấp xỉ 10mEqH⁺.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Cơ chế tác dụng của thuốc là cơ chế vật lý và không phụ thuộc vào sự hấp thu vào tuần hoàn toàn thân.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Gói 10ml. Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói.

Hộp 1 lọ x 150ml, 180ml.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Sau khi mở nắp lọ thuốc, nên sử dụng trong vòng 3 tháng kể từ ngày mở nắp.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

Sản xuất tại:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Abipha

Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

